

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HC-PT

Ngày: 10/4/2018

V/v: *kiếu kiện quyết định hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Đồng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Tính.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Sang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 05/2017/TLHC-PT ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã S bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐ-PT ngày 21/02/2018 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949.

Trú tại: Xóm T, thôn D, xã T1, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- ***Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:*** Ông Lương Danh T2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 02, ngách 38/34/4 đường X, phường X, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân thị xã S.

2. Chủ tịch UBND thị xã S.

Địa chỉ: đường L, phường Đ, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Đức Q - Phó chủ tịch UBND thị xã S. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Như Q1, sinh năm 1957.
2. Ông Nguyễn Như V, sinh năm 1930 (Ủy quyền cho ông Nguyễn Như Q1).

Đều trú tại: Xóm I, xã T1, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Ông Q1 có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980.
4. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979.
5. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1976.
6. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1971.

Đều trú tại: Xóm T, thôn D, xã T1, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Đều vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 và anh Nguyễn Văn T3: Ông Lương Danh T2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 02, ngách 38/34/4 đường X, phường X, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*** Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Như Q1, sinh năm 1957.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại các đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng phía người khởi kiện do anh Lương Danh T2 đại diện trình bày:**

Hộ ông Nguyễn Văn Phong và bà Nguyễn Thị L được Nhà nước cấp 120m² đất tại xứ đồng Biên (giáp đường 295B) thuộc xóm T, thôn D, xã T1, S, Bắc Ninh vào năm 1990. Ngày 20/01/1993, ông Nguyễn Văn Phong viết giấy biên nhận bán 80m² đất trên tổng diện tích được cấp cùng ngôi nhà cấp 4 cho anh Nguyễn Khắc Trung (con ông Nguyễn Khắc Bồng). Việc mua bán, chuyển nhượng giữa ông Phong và anh Trung được Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận vào ngày 16/5/1993. Tại bản đồ địa chính xã T1, tờ bản đồ số 04, phần đất ông Phong đã chuyển nhượng cho anh Trung thể hiện tại thửa số 346, diện tích 80m²). Ngày 06/9/1994, anh Trung bán thửa đất đã mua của ông Phong cho ông Nguyễn Như Q1 và bà Nguyễn Thị Thu Đảng. Đến ngày 03/11/1994, UBND xã T1 có biên bản giao đất làm nhà cho ông Nguyễn Như Q1.

Thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), trên cơ sở đơn và tờ khai xin cấp GCNQSDĐ, ngày 09/11/1998 UBND huyện Tiên Sơn có Quyết định số: 526/QĐ-CT cấp GCNQSDĐ cho 1721 hộ dân trong đó có hộ ông Nguyễn Như V là bố đẻ ông Nguyễn Như Q1 đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m². Khi cấp giấy chứng

nhận, ông Q1 đang công tác ở xa nên ông V là bố đứng tên kê khai quyền sử dụng đất. Ngày 02/4/2001, Chủ tịch UBND huyện S có Quyết định số: 131/QĐ-CT cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như Q1 đối với thửa đất nêu trên với lý do chuyển quyền sử dụng đất từ bố sang con. Ngày 10/11/2003, gia đình ông Nguyễn Văn Phong tổ chức xây kè và tân thửa đất đồng thời phá bỏ ngôi nhà cấp 4 đã chuyển nhượng để lấy lối đi thì phát sinh tranh chấp với gia đình ông Q1.

Năm 2005, ông Nguyễn Văn Phong có đơn khởi kiện gửi TAND huyện S yêu cầu Tòa án: Hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất lập ngày 20/01/1993 giữa ông Nguyễn Văn Phong và anh Nguyễn Khắc Trung; Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng nhà đất lập ngày 06/9/1994 giữa anh Nguyễn Khắc Trung và ông Nguyễn Như Q1 và xác nhận quyền sử dụng thửa đất cho gia đình ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/DS-ST ngày 15/6/2006 của TAND huyện S đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Phong hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng nhà đất lập ngày 20/01/1993 giữa ông Nguyễn Văn Phong và anh Nguyễn Khắc Trung và hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa anh Nguyễn Khắc Trung và ông Nguyễn Như Q1 lập ngày 06/9/1994, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; đồng thời xác định quyền sử dụng đất thuộc ông Phong, bà L đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² tại xóm T, thôn D, xã T1, S.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 71/2006/DSPT ngày 18/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã sửa án sơ thẩm: Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Phong đối với ông Nguyễn Như Q1 và bà Nguyễn Thị Thu Hằng về tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² đã được cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 04/5/2001 mang tên chủ hộ Nguyễn Như Q1. Theo nhận định của bản án phúc thẩm thì việc bác đơn khởi kiện là do việc khởi kiện giữa ông Phong với vợ chồng ông Q1, bà Hằng là không đúng đối tượng (trang 6 của bản án).

Ngày 20/7/2007, ông Nguyễn Văn Phong và bà Nguyễn Thị L tiếp tục có đơn khởi kiện lại đến Tòa án nhân dân huyện S vẫn với nội dung yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Phong, bà L với ông Nguyễn Khắc Bồng và hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Khắc Trung và ông Nguyễn Như Quyền, đồng thời đề nghị xác nhận quyền sử dụng thửa đất số 346, diện tích 80m² nêu trên cho vợ chồng ông Phong, bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2008/DSST ngày 18/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện S đã bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn Phong về việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 346, diện tích 80m² giữa anh Nguyễn Khắc Trung với vợ chồng ông Nguyễn Như Q1

và chấp nhận Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Phong và ông Nguyễn Khắc Bồng. Không đồng ý với bản án này, ông Nguyễn Văn Phong kháng cáo đề nghị xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, ngày 23/06/2008 ông Phong rút đơn khởi kiện và rút đơn kháng cáo, TAND tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định số: 49/QĐ-PT ngày 23/7/2008 hủy Bản án sơ thẩm số: 02/2008/DSST của Tòa án nhân dân huyện S và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo quy định.

Ngày 07/3/2012, bà Nguyễn Thị L có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã S khiếu nại việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như Q1 trong khi đất đang tranh chấp là không đúng pháp luật.

Ngày 26/9/2012, Thanh tra thị xã S có Kết luận số: 34/KL-TTTr kết luận: Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Như V của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn và việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như Q1 năm 2001 của Chủ tịch UBND huyện S là không đúng quy định tại Mục 2, phần III Công văn số: 1427/CV- ĐC ngày 13/10/1995 và Mục I.2.3. I.2.4 phần II Thông tư số: 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính.

Ngày 04/10/2012 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số: 551/QĐ-UBND với nội dung “Thu hồi và hủy bỏ Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện (nay là thị xã S) về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như Q1 (con ông Nguyễn Như V) ở xóm T, D, T1 đối với thửa đất số 346, diện tích 80m², tờ bản đồ số 04 do đã cấp không đúng chủ sử dụng, không đảm bảo các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ và ban hành không đúng thẩm quyền...”.

Ngày 05/10/2012, Chủ tịch UBND thị xã S lại ban hành Quyết định số: 555/QĐ-UBND “Thu hồi và hủy bỏ Báo cáo kết luận số: 34/KL-TTTr ngày 26/9/2012 của Thanh tra thị xã và Quyết định số: 551/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L ở xóm T, thôn D, xã T1 do không thuộc thẩm quyền giải quyết. Giao thanh tra thị xã hoàn trả lại đơn và tài liệu liên quan đến đơn của công dân; hướng dẫn công dân gửi đơn đến TAND để được xem xét giải quyết theo quy định”.

Không nhất trí với giải quyết của Chủ tịch UBND thị xã, ngày 01/11/2012 bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thị xã S yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 555/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S, giữ nguyên Quyết định số: 551/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S; xem xét hủy một phần Quyết định số: 526/QĐ-CT ngày 09/11/1998 của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn phần cấp GCNQSDĐ cho hộ Nguyễn Như V; Hủy Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S; Đề nghị hủy GCNQSDĐ số S 609000 cấp ngày 04/5/2001 đối

với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² cho hộ ông Nguyễn Như Q1 ở xóm T, thôn D, xã T1, S, Bắc Ninh với các lý do:

Thứ nhất: Về thời hiệu khởi kiện thì việc bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ 03 quyết định đó là: Quyết định số: 526/QĐ-CT ngày 09/11/1998 của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn (cũ); Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số: 555/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S vẫn còn. Bởi trong thời gian bà L khiếu nại thì tháng 5/2012 bà L mới nhận được bản photo Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 do Phòng Tài Nguyên và môi trường thị xã S cung cấp.

Thứ hai: Đối với Quyết định số: 526/QĐ-CT ngày 09/11/1998 cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Như V (là bố đẻ ông Nguyễn Như Q1) là không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật đất đai.

Thứ ba: Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Như Q1 là không đúng thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, căn cứ cấp giấy chứng nhận khi đất đang có tranh chấp là không đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và điều này đã được Thanh tra thị xã S xác nhận tại Kết luận số: 34/KL-TTr ngày 26/9/2012.

Thứ tư: Việc Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số: 555/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 nội dung thu hồi, hủy bỏ báo cáo kết luận số: 34/KL-TTr ngày 26/9/2012 của Thanh tra thị xã S và Quyết định số: 551/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà L với căn cứ không thuộc thẩm quyền giải quyết là không đúng.

Thứ năm: Sự việc tranh chấp thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² tại xóm T, thôn D, xã T1, S giữa gia đình ông Phong, bà L với gia đình ông Q1, bà Đảng tuy đã được Tòa án có thẩm quyền giải quyết nhưng chưa xác định rõ ai có quyền sử dụng đất.

**** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:***

Năm 1990, hộ ông Nguyễn Văn Phong và bà Nguyễn Thị L ở thôn D, xã T1, thị xã S được nhà nước cấp một thửa đất ở diện tích 120m² tại xứ đồng Biên (giáp tỉnh lộ 295) thuộc xóm T, thôn D, xã T1, thị xã S. Năm 1993, ông Phong viết giấy biên nhận bán 80m² đất trong tổng số diện tích đất được cấp nêu trên, trên đất có 1 ngôi nhà cấp bốn cho anh Nguyễn Khắc Trung (con ông Bồng). Tại bản đồ địa chính xã T1 thể hiện thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m².

Việc mua bán giữa ông Phong và anh Trung được lập thành giấy tờ thể hiện người bán là ông Nguyễn Văn Phong, người mua là anh Nguyễn Khắc Trung nhưng ký tên trên giấy là ông Nguyễn Khắc Bồng (bố đẻ anh Trung),

không có ý kiến của bà L (vợ ông Phong) và các thành viên khác có liên quan của gia đình ông Phong.

Đến tháng 9/1994, sau khi biết gia đình ông Bồng không có nhu cầu sử dụng và có ý định bán phần đất này, vợ chồng ông Phong, bà L đã liên hệ và xin chuộc lại với giá 20.000.000 đồng và bà L đã trả lại cho bố con ông Bồng 16.000.000 đồng (ông Bồng có ký nhận tiền). Tuy nhiên, sau đó anh Trung vẫn bán thửa đất này cho hộ ông Nguyễn Như Q1, vợ là Nguyễn Thị Thu Hằng mặc dù chưa giải quyết dứt điểm với vợ chồng bà L.

Vụ việc đã được ông Phong viết đơn đề nghị UBND xã T1 không làm thủ tục chuyển nhượng phần đất trên giữa anh Nguyễn Khắc Trung và ông Nguyễn Như Q1 nhưng ngày 03/11/1994, UBND xã T1 vẫn có biên bản giao đất cho hộ ông Nguyễn Như Q1 đối với mảnh đất trên.

Năm 1997-1998 UBND xã T1 tiến hành làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân trên địa bàn xã, ông Nguyễn Như V (bố đẻ ông Q1) đã kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận phần đất đã mua của anh Trung và ngày 09/11/1998 UBND huyện Tiên Sơn (cũ) đã có Quyết định số: 526/QĐ-CT cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Như V (bố đẻ ông Q1) đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m².

Đến năm 2001, ông V làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất này cho con trai là Nguyễn Như Q1 và đã được UBND huyện nay là thị xã S ra Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Như Q1 đối với thửa đất nêu trên.

Mặc dù ông Q1 đã được UBND huyện S (cũ) cấp GCNQSDĐ nhưng trên thực tế phần đất này vẫn do vợ chồng bà L sử dụng. Ngày 10/3/2003, bà L tổ chức xây kè đất và tân lấp thửa đất, đồng thời phá bỏ ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất, từ đó phát sinh tranh chấp giữa hộ ông Phong, bà L với hộ ông Nguyễn Như Q1.

Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, UBND thị xã S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị các bên chủ động thỏa thuận, hòa giải để giải quyết vụ việc. Trường hợp các bên không thỏa thuận được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Như Q1 trình bày:***

Việc mua bán chuyển nhượng thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² giữa vợ chồng ông với anh Nguyễn Khắc Trung năm 1994 là ngay thẳng và việc tranh chấp thửa đất trên giữa hai gia đình đã được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Ninh giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, theo phán quyết của Tòa án thì chủ quyền sử dụng thửa đất này đã thuộc quyền sử dụng hợp

pháp của vợ chồng ông, năm 2001 vợ chồng ông đã được nhà nước công nhận bằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà L khởi kiện đòi hủy bỏ GCNQSDĐ đối thừa đất do ông đứng tên là không có căn cứ.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn T3, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 do ông Lương Danh T2 đại diện theo ủy quyền trình bày: thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị L.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã S đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc khởi kiện quyết định hành chính của UBND thị xã S và Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thị xã S.

2. Hủy bỏ Quyết định số: 555/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S; Hủy một phần Quyết định số: 526/QĐ-CT ngày 09/11/1998 của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn phần cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như V; Hủy Quyết định số: 131/ QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S. Hủy GCNQSDĐ số S 609000 cấp ngày 04/5/2001 đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² cho hộ Nguyễn Như Q1 ở xóm T, thôn D, xã T1, S, Bắc Ninh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q1 vắng mặt. Ngày 20/10/2017, ông Q1 nhận được tổng đạt bản án. Ngày 30/10/2017, ông Q1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án và không đồng ý với phần quyết định của bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Ông Nguyễn Như Q1 giữ nguyên đơn kháng cáo và cho rằng việc mua bán đất giữa ông và anh Trung là ngay thẳng, ông Bồng không liên quan gì; ông cũng không mua bán đất với ông Phong, bà L, thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông đã được UBND thị xã S cấp GCNQSDĐ. Ngoài ra, việc tranh chấp này đã được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật; có thời gian bà L là người ra chiếm đất và phá nhà cấp 4 trên đất của ông và bà L cho rằng bà là người sử dụng đất là không đúng, từ năm 2017 gia đình ông đã xây dựng nhà và sinh sống trên thửa đất này. Ông Q1 đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, giữ nguyên GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm và không đồng ý kháng cáo của ông Q1. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến thời điểm này là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính theo quy định.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra chứng cứ, tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Nguyễn Như Q1 và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Như Q1 đảm bảo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính do đó cần chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 05/10/2012, Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số: 555/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L. Ngày 01/11/2012, bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thị xã S yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 555/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S, giữ nguyên Quyết định số: 551/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S; đồng thời xem xét hủy một phần Quyết định số: 526/QĐ-CT ngày 09/11/1998 của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn phần cấp GCNQSDĐ cho hộ Nguyễn Như V; Hủy Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S. Hủy GCNQSDĐ số S 609000 cấp ngày 04/5/2001 đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² cấp cho hộ Nguyễn Như Q1 ở xóm T, thôn D, xã T1, S, Bắc Ninh. Các Quyết định hành chính bị khởi kiện liên quan trực tiếp đến nhau.

Tại Bản án phúc thẩm số: 71/2006/DS- PT ngày 18/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mới chỉ giải quyết “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa các bên chứ chưa xem xét, đánh giá về tính hợp pháp của các Quyết định hành chính về việc cấp GCNQSDĐ là đối tượng xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã S thụ lý vụ án “Khiếu kiện quyết định hành chính” đối với Quyết định số: 555/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S; đồng thời xem xét giải quyết các Quyết định hành chính có liên quan đã nêu trên là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 31, 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 và Điều 29 Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Như Q1, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về tính hợp pháp của Quyết định số: 526/QĐ-CT ngày 09/11/1998 của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn (cũ) phần về cấp GCNQSDĐ cho hộ Nguyễn Như V và Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S:

* Về thẩm quyền ban hành:

Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn (cũ) ban hành Quyết định số: 526/QĐ-CT ngày 09/11/1998 về việc cấp GCNQSDĐ và Chủ tịch UBND huyện S (cũ) ban hành Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 về việc cấp GCNQSDĐ là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 23, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993.

* Về trình tự thủ tục:

Thửa đất này có nguồn gốc là hộ ông Nguyễn Văn Phong và bà Nguyễn Thị L được Nhà nước cấp 120m² đất tại xứ đồng Biên (giáp đường 295B) thuộc xóm T, thôn D, xã T1, S, Bắc Ninh vào năm 1990. Ngày 20/01/1993, ông Nguyễn Văn Phong viết giấy biên nhận bán 80m² đất trên tổng diện tích được cấp cùng ngôi nhà cấp 4 cho anh Nguyễn Khắc Trung (con ông Nguyễn Khắc Bồng). Việc mua bán, chuyển nhượng giữa ông Phong và anh Trung được UBND xã T1 xác nhận vào ngày 16/5/1993. Tại tờ bản đồ địa chính số 04 của xã T1, phần đất ông Phong đã chuyển nhượng cho anh Trung thể hiện tại thửa số 346, diện tích 80m². Ngày 06/9/1994, anh Trung bán thửa đất đã mua của ông Phong cho ông Q1 và bà Đảng. Đến ngày 03/11/1994, UBND xã T1 có biên bản giao đất làm nhà cho ông Q1. Như vậy, ông Q1 là người nhận chuyển nhượng đất của anh Trung và được UBND xã T1 giao đất chứ không phải là ông V.

Theo đơn và tờ khai xin cấp GCNQSDĐ của ông V. Ngày 09/11/1998, Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn có Quyết định số: 526/QĐ-CT cấp GCNQSDĐ cho 1721 hộ dân trong đó có hộ ông Nguyễn Như V là bố đẻ ông Nguyễn Như Q1 đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m². Như vậy, có thể thấy trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Như V của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn (cũ) là không đúng quy định tại Mục 2, phần III Công văn số: 1427/CV- ĐC ngày 13/10/1995 và Mục I.2.3. I.2.4 phần II Thông tư số: 346/1998/TT- TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính do

cấp GCNQSDĐ không đúng đối tượng sử dụng đất; người đứng ra kê khai đăng ký là ông Nguyễn Như V không phải là người mua đất, không có quyền lợi và giấy tờ gì liên quan đến thửa đất. Điều này còn được thể hiện khi ông Q1 biết sự việc cấp giấy chứng nhận cho ông V là sai nên đã làm đơn gửi UBND huyện Tiên Sơn đề nghị giải quyết.

* Đối với việc ông Nguyễn Như Q1 cho rằng việc tranh chấp thửa đất trên giữa hai gia đình đã được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Ninh giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thấy:

Theo nội dung Bản án phúc thẩm số: 71/2006/DS- PT ngày 18/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Phong, bà L và bị đơn là ông Q1, bà Đảng đã nhận định: Việc khởi kiện giữa ông Phong với vợ chồng ông Q1, bà Đảng là không đúng đối tượng. Do vậy, bản án phúc thẩm đã không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phong. Thực tế ngay sau đó, ông Phong và bà L lại tiếp tục có đơn khởi kiện vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” gửi Tòa án nhân dân huyện S với bị đơn bao gồm cả ông Q1, bà Đảng và ông Bồng, anh Trung. Đơn khởi kiện của ông Phong và bà L cũng đã được Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng vụ việc vẫn chưa được giải quyết dứt điểm do ông Phong rút đơn khởi kiện để giải quyết bằng con đường khiếu kiện hành chính. Trên thực tế từ khi chuyển nhượng đất và trong quá trình xảy ra tranh chấp, thửa đất này vẫn do vợ chồng ông Phong, bà L quản lý sử dụng được chính quyền địa phương xác nhận, gia đình ông Q1 mới quản lý từ năm 2017.

Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung và quyết định của Bản án phúc thẩm số: 71/2006/DS- PT ngày 18/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã có hiệu lực pháp luật vẫn chưa giải quyết dứt điểm vụ việc tranh chấp đất đai, chưa xác định ai là người có quyền sử dụng đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² tại ở xóm T, thôn D, xã T1. Do vậy, ý kiến của ông Q1 cho rằng việc tranh chấp thửa đất trên giữa hai gia đình đã được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Ninh giải quyết xong là không có cơ sở.

Hơn nữa, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Phong, bà L với gia đình ông Q1, bà Đảng đã có từ những năm 1994 ngay sau khi các bên làm thủ tục mua bán đất. Cụ thể, ngày 10/10/1994 ông Phong viết đơn đề nghị UBND xã T1 giải quyết việc UBND xã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ anh Trung sang ông Q1 là sai vì ông đã chuộc lại thửa đất với gia đình anh Trung. Thế nhưng, vụ việc chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì ngày 03/11/1994, UBND xã T1 đã có biên bản giao đất làm nhà ở cho ông Nguyễn Như Q1 đối với thửa đất nói trên. Suốt thời gian sau đó, việc tranh chấp giữa gia đình ông Phong và gia đình ông Q1 vẫn diễn ra, vợ chồng ông Phong, bà L được cơ quan thẩm quyền xác nhận

vẫn là người sử dụng đất, đã tổ chức xây dựng kè trên đất nên dẫn đến xung đột phải nhờ cơ quan công an giải quyết. Tại Biên bản xác minh ngày 09/5/2005 đối với UBND xã T1 (BL số 75) cũng đã xác định: năm 1994 gia đình ông Phong có đơn gửi UBND xã T1 đề nghị giải quyết tranh chấp thửa đất này; cùng thời điểm đó gia đình ông Phong chuộc lại thửa đất nhưng do không thống nhất được cách thức chuộc nên dẫn đến việc tranh chấp; thực tế ông Phong vẫn là người quản lý sử dụng đất. Năm 2004, ông Phong phá nhà cấp 4 tân lập đất phía sau, xây kè đã xung quanh đất thì xảy ra xung đột.

Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Như V của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn (cũ) năm 1998 và việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như Q1 năm 2001 của Chủ tịch UBND huyện S không đúng quy định pháp luật; thẩm quyền, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận không đúng, cấp khi đất đang có tranh chấp. Do vậy, việc bà L khởi kiện yêu cầu hủy 02 Quyết định hành chính này và hủy GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Q1 là có cơ sở.

[3.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 551/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L thấy:

* Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành quyết định:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà L, Chủ tịch UBND thị xã S đã có Văn bản số: 137/UBND-NC ngày 31/5/2012 giao cho Thanh tra thị xã thẩm tra lại việc cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Như Q1.

Căn cứ Báo cáo kết luận số: 34/BCKL-TTr ngày 26/9/2012 của Thanh tra thị xã S về báo cáo kết quả thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như Q1, ngày 04/10/2012 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số: 551/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 38 Luật đất đai 2003, Luật khiếu nại năm 2011 và Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003.

* Về hình thức của Quyết định hành chính chưa đảm bảo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011 khi không quy định về quyền khiếu nại lần hai hoặc quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quyền này đã được bà L thực hiện nên Chủ tịch UBND thị xã S cần rút kinh nghiệm khi ban hành các Quyết định hành chính khác theo quy định pháp luật.

* Về nội dung quyết định hành chính:

Như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử thấy Quyết định số: 526/QĐ-CT và Quyết định số: 131/QĐ-CT được ban hành không đúng quy định pháp luật. Do vậy, Quyết định số: 551/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L thu hồi và hủy bỏ Quyết

định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như Q1 đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80 m² là đúng quy định pháp luật.

[3.3] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số: 555/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L thấy:

Sau khi rà soát lại toàn bộ vụ việc, Thanh tra thị xã S thấy Quyết định số: 551/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L không đúng quy định pháp luật nên đã có Báo cáo số: 37/BC-TTr ngày 05/10/2012 kiến nghị Chủ tịch UBND thị xã S xem xét thu hồi Quyết định số 551/QĐ-UBND nêu trên.

Mặc dù Chủ tịch UBND thị xã S vẫn có thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính để thay thế, bãi bỏ văn bản của mình theo quy định tại Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004; Điều 9 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008. Nhưng do việc cấp GCNQSDĐ trước đó cho ông V và ông Q1 không đúng quy định pháp luật, vụ việc tranh chấp đất đai hiện vẫn chưa được giải quyết dứt điểm nên Quyết định số: 555/QĐ-UBND được ban hành để thu hồi Quyết định số: 551/QĐ-UBND là không đúng quy định pháp luật, cần phải hủy bỏ.

[4] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyết định số: 551/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L thu hồi và hủy bỏ Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Như Q1 đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80 m² là đúng quy định pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ pháp luật; kháng cáo của ông Nguyễn Như Q1 không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Việc cấp lại GCNQSDĐ cho ai sẽ được giải quyết khi tranh chấp đất đai giữa các bên được giải quyết dứt điểm và có phán quyết có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

[6] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vợ và các con ông Q1 là bà Nguyễn Thị Thu Hằng, anh Nguyễn Tiến Đức và Nguyễn Tiến Lộc có ý kiến đề nghị từ chối tham gia tố tụng vì đã giao toàn quyền cho ông Q1 giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định đối với đề nghị của ông Q1. Ngoài ra, anh Đức và anh Lộc khẳng định không liên quan đến thửa đất do thời điểm mua đất hai anh còn nhỏ không có công sức đóng góp gì; anh Đức xác nhận từ năm 2017 đến nay, anh sinh sống trên thửa đất này. Do vậy, Tòa án sơ thẩm không đưa bà Hằng, anh Đức, anh Lộc vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót nhưng không ảnh hưởng tới quyền lợi của những người này nên chỉ cần rút kinh nghiệm không phải hủy án sơ thẩm.

[7] Ngoài ra, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện thị xã S ban hành không đúng mẫu quy định của Nghị quyết số: 02/2017/HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; ghi sai tiêu đề cấp Tòa án giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này khi giải quyết các vụ án khác.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Như Q1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Như Q1, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã S.

Căn cứ Điều 23, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Thông tư số: 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính quy định về trình tự thủ tục đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ;

Điều 38 Luật đất đai 2003, Luật khiếu nại năm 2011 và Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L: Hủy Quyết định số: 555/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của Chủ tịch UBND thị xã S; Hủy một phần Quyết định số: 526/QĐ-CT ngày 09/11/1998 của Chủ tịch UBND huyện Tiên Sơn phần cấp GCNQSDĐ cho hộ Nguyễn Như V; Hủy Quyết định số: 131/QĐ-CT ngày 02/4/2001 của Chủ tịch UBND huyện S; Hủy GCNQSDĐ số S 609000 do UBND huyện S cấp ngày 04/5/2001 đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 80m² cho hộ Nguyễn Như Q1 ở xóm T, thôn D, xã T1, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh.

Chủ tịch UBND thị xã S và UBND thị xã S thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Như Q1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận ông Q1 đã nộp tiền án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2013/03155 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND thị xã S;
- TAND thị xã S;
- Chi cục THADS thị xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP- THC.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Công Đồng